

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**
Bản án số: 110/2021/HSST
Ngày 27 - 9 - 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Văn Thành - Ông Phan Văn Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 117/2021/HSST, ngày 14 tháng 9 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2021/QĐXXST-HS ngày 16/9/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Đình G (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh ngày 19/7/1994, tại huyện Y, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: 9/12; Họ tên cha: Trần Đình S, sinh năm 1960; Họ tên mẹ: Vũ Thị X, sinh năm 1965; Anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ: Phan Thị M, sinh năm 1992; Con: có 01 con mới sinh vào tháng 9/2021; Tiền án: Ngày 19/01/2014 bị TAND huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình xử phạt 08 (tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 01/2014/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/5/2014; Ngày 19/9/2014 bị TAND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 111/2014/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/6/2016; Ngày 21/4/2017 bị TAND huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xử 36 tháng tù tại Bản án số 16/2017/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/01/2020; Nhân thân: Ngày 01/3/2011 bị TAND huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, chấp hành xong vào ngày 01/01/2013; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2021 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Phạm Xuân T (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh ngày: 23/9/1993, tại huyện Y, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm 2, xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: 10/12; Họ tên cha: Phạm Xuân N, sinh năm 1970; Họ tên mẹ: Phạm Thị V, sinh năm 1971; Anh chị em ruột: Có 04 người, bị

cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 09/7/2012 bị TAND thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử 09 tháng tù giam theo bản án số: 264/HSST/2012. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 06/01/2013 đã được đương nhiên xóa án tích; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/4/2021 đến ngày 08/4/2021, sau đó bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 17/5/2021 đến nay. (Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại:

+/Chị Đặng Thị H, sinh ngày 02/02/ 1983. (Vắng mặt)
Trú tại: khối 13, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.
+/ Chị Phạm Thị Đ, sinh ngày 19/9/1991. (Vắng mặt)
Trú tại: xóm 8, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
+/ Anh Phạm Văn T, sinh ngày 04/4/1975. (Vắng mặt)
Trú tại: xóm 9, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
+/ Anh Phạm Xuân T, sinh ngày 04/9/1974.(Vắng mặt)
Trú tại: xóm 2, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
+/ Ông Nguyễn Bá D, sinh ngày 15/5/1967 (Có mặt)
Trú tại: xóm 6, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
+/ Ông Phạm Xuân T, sinh ngày 15/10/1967 (Có mặt)
Trú tại: xóm 2, xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+/ Chị Bùi Thị L, sinh ngày 02/9/1986 (Vắng mặt)
Trú tại: thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.
+/ Anh Ngô Xuân T, sinh ngày 10/8/1974 (Vắng mặt)
Trú tại: xóm 7, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
+/ Anh Hồ Phi V, sinh ngày 20/10/1985 (Vắng mặt)
Trú tại: xóm 1, xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
+/ Anh Nguyễn Đình T, sinh ngày 06/3/1986 (Vắng mặt)
Trú tại: xóm 2, xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
+/ Chị Võ Thị N, sinh ngày 26/3/1974 (Vắng mặt)
Trú tại: khối 1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
+/ Ông Phan Văn C, sinh năm 1968 (Vắng mặt)
Trú tại: khối 1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
+/ Chị Trần Thị Y, sinh ngày 02/6/1981 (Vắng mặt)
Trú tại: khối 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An.
+/ Chị Ưông Thị C, sinh ngày 16/11/1977 (Vắng mặt)
Trú tại: khối 4, thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An.
+/ Ông Dương Văn B, sinh năm 1969 (Vắng mặt)
Trú tại: khối 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An.
+/ Anh Tạ Khắc T, sinh năm 1987 (Vắng mặt)
Trú tại: xóm 6, xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2020 đến tháng 3 năm 2021, Trần Đình G đã 06 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Y, tỉnh Nghệ An cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 26/4/2020, chị Đặng Thị H, sinh năm 1983, trú tại khối 13, phường H, TP V Nghệ An về nhà mẹ đẻ tại khối 1, thị trấn Y, huyện Y để chịu tang mẹ, do mẹ mới chết, gia đình đang có tang nên không khóa cửa. Đến khoảng 01 giờ 30 phút, sáng ngày 27/4/2020, Trần Đình G một mình đi đến trước nhà thì thấy cửa nhà đang khép hờ nên G đã đột nhập vào trong nhà để trộm cắp tài sản. G trèo qua bờ tường phía trước nhà vào trong khu vực sân, đi theo hành lang bên ngoài nhà đi đến mở cửa phụ rồi đi vào khu vực nhà bếp rồi lên khu vực phòng khách vào phòng ngủ thì thấy trong phòng ngủ có một chiếc túi xách bằng vải treo trên tường. G lấy túi vải xuống thì thấy trong túi vải có 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7, màu xanh, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc Ipad nhãn hiệu Samsung T331 và số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) là tài sản của chị H. Trần Đình G lấy toàn bộ số tài sản nói trên rồi đi ra ngoài đường đón xe taxi (không nhớ đặc điểm xe và không nhớ hãng xe) đi sang quán cháo của anh Nguyễn Xuân T, sinh 1974, tại xóm 7, xã B, huyện Y để ăn cháo. Sau khi ăn xong, G lấy chiếc Ipad vừa trộm cắp được bán cho anh Nguyễn Xuân T với giá tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Trước khi mua, anh T có hỏi G về nguồn gốc chiếc Ipad thì G nói Ipad là của vợ, do cần tiền nên bán thì anh T đồng ý mua. Đến khoảng 8 giờ sáng ngày 27/4/2020, G cầm chiếc điện thoại Samsung J7 đến tiệm cầm đồ “C N” gặp anh Phan Văn C, sinh 1968, trú tại khối 1, thị trấn Y và bán chiếc điện thoại nói trên lấy số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Toàn bộ số tiền mặt và số tiền bán tài sản trộm cắp mà có thì G đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 19/4/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện Y kết luận: “01 (một) chiếc Ipad, nhãn hiệu Samsung T331, màu trắng đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 27/4/2020 có giá trị 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại Samsung J7, màu xanh, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 27/4/2020 trị giá 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng)” (Bl 111).

Tổng giá trị tài sản và tiền mà Trần Đình G đã trộm cắp của chị Đặng Thị H là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng)

Lần thứ hai: Vào khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 24/5/2020, Trần Đình G một mình đột nhập vào cửa hàng bán tạp hóa của anh Phạm Xuân T, sinh 1974, trú tại xóm 2, xã M, huyện Y để trộm cắp tài sản. G trèo qua bờ tường rào vào khu vực vườn phía sau của cửa hàng, sau đó kéo cánh cửa rồi đi vào trong cửa hàng trộm cắp: 07 thẻ Viettel mệnh giá 100.000 đồng, 03 thẻ Viettel mệnh giá 50.000 đồng, 08 thẻ Vina mệnh giá 100.000 đồng, 04 thẻ Vina mệnh giá 50.000 đồng, 03 thẻ Vina mệnh giá 20.000 đồng, tổng giá trị của tất cả số thẻ là 1.990.000đ (một triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO J7 màu đen, có ốp lưng màu đỏ, và số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng). G lấy toàn bộ số tài sản nói trên bỏ vào túi quần, sau đó tiếp tục lấy 03 (ba) cây thuốc lá Thăng Long và 01 (một) cây thuốc lá Vinataba còn nguyên vẹn, rồi đi ra ngoài. Sau khi trộm cắp được số tài sản nói trên, G gọi điện

thoại cho Phạm Xuân T hẹn gặp nhau tại ngã tư xã C, huyện Y. Đến khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, G và T gặp nhau tại ngã tư xã C thì G đưa toàn bộ số thẻ điện thoại đã trộm cắp được cho T để nhờ T đi bán. Khi thấy G đưa nhiều thẻ điện thoại nhờ đi bán thì T biết đây là số thẻ điện thoại do G trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý giúp G đi bán. T cầm toàn bộ số thẻ điện thoại trên rồi đi đến cửa hàng bán tạp hóa “V H”, ở xóm 1, xã C, huyện Y, gặp anh Hồ Phi V, sinh 1985, là chủ quán và nói với anh V là có một người bạn nhờ T đi bán số thẻ này. Anh V đồng ý mua lại bằng 80% giá trị của thẻ cào. Phạm Xuân T lấy toàn bộ thẻ điện thoại trong túi ni lông ra đếm thì thấy tổng giá trị trên các thẻ Viettel và Vina là 1.990.000đ (một triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng). Khi đưa thẻ cho anh Hồ Phi V thì Phạm Xuân T nhìn thấy trên bề mặt của một thẻ có ghi dòng chữ “ Hoa MT”. Anh nhận thẻ điện thoại từ T và đưa cho T 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng). T cầm tiền đi về ngã tư xã C gặp G và hỏi “ thẻ mi lấy ở MT à”. G trả lời “ tau lấy gần nhà choa” (nghĩa là G đã trộm cắp số thẻ trên ở gần nhà của G). T lấy số tiền đã bán thẻ đưa cho G, G cầm tiền rồi trả công cho T 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Đối với chiếc điện thoại di động OPPO J7, G đưa đến bán cho anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1986, trú tại xóm N, xã C, huyện Y (anh T nghề buôn bán điện thoại) với giá tiền 1.000.000đ (một triệu đồng). Khi mua, anh Trần Đình T không biết chiếc điện thoại trên do G trộm cắp mà có. Toàn bộ số tiền trộm cắp và số tiền có được từ việc bán tài sản, G đã tiêu xài cá nhân hết. 04 (bốn) cây thuốc lá, G đã sử dụng hết. Số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) G trả công cho T thì T đã tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá số 08/KL-HĐĐGTS ngày 19/4/2021 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện Yên Thành kết luận:

“01 (một) cây thuốc lá Vinataba còn nguyên vẹn, thời điểm ngày 24/5/2020 có giá trị 120.000đ (một trăm hai mươi nghìn đồng); 03 (ba) cây thuốc lá Thăng Long còn nguyên vẹn, thời điểm ngày 24/5/2020 có giá trị 270.000đ (hai trăm bảy mươi nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động OPPO J7 màu đen, ốp ngoài màu đỏ, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 24/5/2020 có giá trị 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng)” .

Tổng giá trị tài sản và tiền mà Trần Đình G đã trộm cắp của anh Phạm Xuân T là 4.880.000đ (bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Lần thứ ba: Vào khoảng 02 giờ ngày 27/5/2020, Trần Đình G một mình đột nhập vào nhà ở của anh Phạm Văn T, sinh năm 1975, trú tại xóm 9, xã M, huyện Y để trộm cắp tài sản. G trèo qua bờ tường phía Tây của quán cà phê trong khuôn viên nhà ở của gia đình anh T, thấy cửa phòng khách đang khép hờ nên G đi lại mở cửa đi vào phòng khách thì thấy trên bàn học trong phòng khách có để 01 (một) chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu DELL, màu bạc. G lấy chiếc máy tính rồi đi ra ngoài khu vực sân thì thấy có dựng 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave anpha, màu đỏ đen, biển kiểm soát 54X5 – 8315, nên G quay lại phòng khách lấy chùm chìa khóa treo trên bức tường phía Nam của phòng khách rồi cầm chùm chìa khóa ra mở cổng. Sau khi mở cổng, G cầm chìa khóa xe mô tô rồi dắt xe ra khỏi nhà anh T, cắm chìa khóa vào ổ khóa xe và để chiếc máy tính lên khung giữa xe mô tô rồi điều khiển xe đi đến trước nhà nghỉ “H V” ở xóm 2, xã C, huyện Y do Phạm Xuân T, sinh năm 1993, trú tại xóm

2, xã C, huyện Y quản lý. Lúc này khoảng 04 giờ 00 phút, G gọi T ra mở cửa nhưng T không nghe thấy nên G đã dựng xe trước cửa nhà nghỉ rồi nằm lên yên xe để chờ. Đến khoảng 06 giờ 00 phút cùng ngày, T dậy mở cửa nhà nghỉ thì thấy G đang ở trước cửa. G nói với T “vừa lấy được cây xe, tối ta đi cầm lấy tiền tiêu” thì T biết được chiếc xe này do G vừa đi trộm cắp mà có. Sau đó, G đi vào nhà nghỉ H V để ngủ. Đến khoảng 9 giờ 00 phút cùng ngày, G nói với T “đi cầm xe hê, hết tiền tiêu rồi”, thì T đồng ý. Sau đó, T đi xe mô tô của mình còn G điều khiển chiếc xe trộm cắp được đến tiệm cầm đồ của anh Phan Trọng T, sinh 1965, ở xóm 12, xã C, huyện Y để cầm cố nhưng do xe không có giấy tờ nên anh T không nhận. Sau đó, cả hai quay về nhà nghỉ “H V”. Trên đường về, G nói với T “xe trộm khó cầm hê”. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, G và T đến nhà của anh Tạ Khắc T, sinh 1987, trú tại xóm 6, xã C, huyện Y để cầm cố chiếc xe mô tô nói trên. Khi gặp anh T, Phạm Xuân T nói “thằng bạn em có cây xe muốn bán hai triệu đồng”, anh T hỏi “xe có giấy tờ không” thì G trả lời xe không có giấy tờ, hiện tại bộ của G đang cầm, G sẽ đưa xuống sau. Anh T đồng ý mua chiếc xe nói trên của G với giá 2.000.000đ (hai triệu đồng), đồng thời nói khi nào G đưa giấy tờ xe xuống thì sẽ trả thêm tiền. Sau khi lấy tiền, Phạm Xuân T chở Trần Đình G về ngã tư xã C thì G xuống xe và đưa cho T tiền công 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này cả hai đã tiêu xài cá nhân hết. Còn chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, trong một lần G vào Thị xã C, tỉnh Nghệ An hát Karaoke (không nhớ tên và địa chỉ quán) khi ra thanh toán tiền hát hết gần 2.000.000đ (hai triệu đồng) nhưng vì không có tiền nên G đã dùng chiếc máy tính xách tay quy đổi thành tiền và trả tiền hát cho chủ quán. Đối với chiếc xe mô tô mà G đã bán cho anh T, sau đó anh T đã bán lại cho một người không rõ tên tuổi, địa chỉ.

Tại bản định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 19/4/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện Y kết luận: “01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha, Biển kiểm soát 54X5-8315, xe cũ đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 27/5/2020 trị giá 10.200.000đ (mười triệu hai trăm nghìn đồng); 01 (một) máy tính xách tay, màu bạc, nhãn hiệu Dell, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 27/5/2020 trị giá 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn đồng)”.

Tổng giá trị tài sản Trần Đình G đã trộm cắp của anh Phạm Văn T là: 14.400.000đ (mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Lần thứ tư: Vào khoảng 02 giờ 00 phút, ngày 15/6/2020, Trần Đình G một mình đột nhập vào nhà ông Nguyễn Bá D, sinh 1967, trú tại xóm 6, xã L, huyện Y trộm cắp tài sản. G đi vòng ra phía sau nhà của ông D, thấy có cánh cửa có chốt phía trong nên đã sử dụng con dao nhỏ mang theo, cạy chốt mở cửa rồi đột nhập vào trong khu vực bếp nhà ông D. G nhìn thấy tại sân bếp có 02 (hai) chiếc xe mô tô, trong đó có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha, màu xanh, Biển kiểm soát 37K3 - 0619 có chìa khóa đang cắm trong ổ khóa xe. G nhìn thấy trên chiếc bàn ở trong nhà bếp có một chùm chìa khóa, G đã lấy chùm chìa khóa đó mở cửa cổng rồi dắt xe mô tô ra, nổ máy điều khiển xe đi đến nhà anh Trần Khắc N, ở xóm N, xã C, huyện Y để bán chiếc xe mô tô này cho anh N với số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng). Khi bán, G nói là xe của bố, xe có giấy tờ nhưng bố đang cầm, G sẽ đưa xuống sau nên anh N đồng ý mua. Số tiền có được từ việc

bán xe Trần Đình G đã tiêu xài cá nhân hết. Đối với con dao dùng để cạy chốt cửa nhà ông D, trên đường đi đến nhà anh N, G đã vứt đi (không rõ ở vị trí nào).

Tại bản kết luận định giá số 08/KL-HĐĐGTS ngày 19/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện Y kết luận: “01(một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha, màu xanh, số khung 186019926, số máy 0397392, biển số 37K3 - 0619, xe cũ đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 15/6/2020 có giá trị: 10.800.000đ (mười triệu tám trăm nghìn đồng)”.

Lần thứ năm: Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 27/02/2021, Trần Đình G một mình đột nhập vào nhà ông Phạm Xuân T, sinh 1967, trú tại xóm 2, xã C, huyện Y để trộm cắp tài sản (nhà ông T có quán bán hàng tạp hóa nằm trong khuôn viên nhà). G trèo lên bờ tường rào dùng hai tay bám vào ô văng cửa sổ, rồi chui qua lỗ thông gió của phòng vệ sinh trên tầng 2 và đột nhập vào bên trong nhà. G đi theo cầu thang xuống tầng một để tìm tài sản, đi vào phòng bếp trộm cắp được 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu trắng và 01 xạc pin của máy đang sạc pin ở trên bàn và số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) trong túi quần bỏ treo trên ghế. Sau đó, G ra phòng khách trộm cắp được 01 (một) chiếc đồng hồ đeo tay nam làm bằng kim loại màu vàng trắng để ở kệ ti vi. G tiếp tục ra cửa hàng tạp hóa trong khuôn viên nhà ông T thì trộm cắp được 01 (một) chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS màu bạc, máy đã qua sử dụng, để trên quầy tính tiền, số tiền 60.000đ (sáu mươi nghìn đồng), 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô và 01 (một) bảo hiểm xe mô tô mang tên Phạm Thị T trong hộp đựng tiền của cửa hàng tạp hóa. Khi G quay lại phòng khách thì nhìn thấy chìa khóa xe mô tô và chìa khóa cửa cổng của gia đình ông T treo trên móc tại phòng khách, nên G lấy chìa khóa mở cửa cổng rồi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, biển kiểm soát 37P1 - 356.47 mà ông T đang dựng ở sân, rồi đi ra ngoài, mang theo toàn bộ tài sản trộm cắp được đi ăn sáng tại một quán ăn ở xã N, huyện Y. Sau đó, G điều khiển xe mô tô đi xuống thị trấn D, huyện D, vào một quán nước ven đường ngồi uống nước. Đến khoảng 5 giờ 30 phút cùng ngày, G điều khiển xe mô tô đã trộm cắp được đến tiệm cầm đồ “C N” ở khối 1, thị trấn Y, huyện Y, gặp chị Võ Thị N, sinh 1974, là chủ tiệm và cầm cố chiếc xe được số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Khi cầm cố chiếc xe, G nói là xe của vợ, vì xe có giấy tờ nên chị N không biết chiếc xe nói trên là do G trộm cắp mà có. Đến ngày 28/3/2021, chị Vũ Thị N đã tự nguyện giao nộp chiếc xe nói trên cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Thành. Chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS Trần Đình G đã đưa đến bán cho chị Trần Thị Y sinh 1981, trú tại khối 3, thị trấn huyện D với số tiền 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng). Khi mua, chị Y không biết chiếc máy tính này là tài sản trộm cắp mà có. Sau đó chị Y đã bán lại chiếc máy tính này cho một người không rõ tên tuổi, địa chỉ. Ngày 28/02/2021, G bắt xe ra huyện T, tỉnh Bắc Ninh để tìm việc làm. Đến ngày 04/3/2021 G đến gặp chị Bùi Thị L, sinh 1986, trú tại thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh và vay của chị Bùi Thị L số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) và để lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus để làm tin. Chị L không biết chiếc điện thoại trên là do trộm cắp mà có. Ngày 29/3/2021 chị L đã giao nộp chiếc điện thoại này cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Thành. Đối với chiếc đồng hồ đeo tay, G giữ lại để sử dụng .

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06 ngày 05/4/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện Y kết luận: “Giá trị của các tài sản tại thời điểm ngày 27/02/2021: 01 (một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe Vision, màu xanh, số khung 58E0339750, số máy JF58E0339750, biển kiểm soát 37P1 - 356.47, xe cũ đã qua sử dụng, có giá trị: 15.600.000đ (mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, số Imei 355376072651578, máy cũ đã qua sử dụng, có giá trị 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng); 01 (một) chiếc đồng hồ đeo tay (đồng hồ nam) làm bằng kim loại màu vàng, trắng, nhãn hiệu QUARTZ, đã qua sử dụng, có giá trị 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng)” .

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 19/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Yên Thành kết luận: 01 (một) máy tính xách tay, nhãn hiệu ASUS, màu bạc, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 27/2/2021 có giá trị: 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng); 01 (một) sạc pin (chính hãng) của điện thoại di động Iphone 6, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 27/02/2021 có giá trị: 240.000đ (hai trăm bốn mươi nghìn đồng)” .

Tổng giá trị tài sản và tiền mà Trần Đình G đã trộm cắp của ông Phạm Xuân T là 34.300.000đ (ba tư triệu ba trăm nghìn đồng).

Lần thứ sáu: Vào khoảng 02 giờ 00 phút, ngày 06/3/2021, Trần Đình G một mình đột nhập vào cửa hàng bán điện thoại di động “T Vỹ” của gia đình chị Phạm Thị Đ, sinh 1991, ở xóm 8, xã B, huyện Y để trộm cắp tài sản. G quan sát thấy cánh cửa của cửa hàng bán nước có chung vách ngăn với cửa hàng điện thoại “T Vỹ” nên đã dùng con dao mang theo (loại dao nhỏ được gắn ở giữa dụng cụ cắt móng tay) để cạy khóa chốt cửa của cửa hàng bán nước, mở cửa và đột nhập vào trong. Vách ngăn giữa cửa hàng bán nước với cửa hàng “T Vỹ” được làm bằng khung sắt có hàn tấm tôn ngăn vách, nhưng phía trên phần giáp mái được thông với nhau nên G trèo lên khung sắt rồi qua cửa hàng “T Vỹ”. G lấy một túi ni lông màu đen trong cửa hàng rồi mở kệ tủ kính và trộm cắp những tài sản chưa qua sử dụng gồm: 10 (mười) chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia 105; 10 (mười) chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia 210; 13 (mười ba) chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Itell; 03 (ba) chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Sta; 03 (ba) chiếc điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Sta; 40 (bốn mươi) chiếc sim điện thoại Vietnammobile, rồi bỏ vào túi ni lông màu đen. Sau đó, G tiếp tục đi lại bàn gỗ đặt ở góc cửa hàng và lấy một số điện thoại và Ipad đã qua sử dụng, gồm: 01 (một) máy tính bảng iPad, màu vàng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu trắng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6G, màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5, màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, màu đen; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Sam Sung, màu xanh, và số tiền mặt để trong hộc bàn gỗ là 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng), rồi bỏ toàn bộ số tài sản nói trên vào túi ni lông màu đen rồi trèo theo lối cũ ra ngoài. Sau đó G đón xe buýt đi đến thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An. G đi đến phòng trọ của Trần Đình H, sinh 1984, trú tại xóm K, xã T(không rõ tên, địa chỉ phòng trọ) và gặp H tại đây. G và H lấy toàn bộ số tài sản trộm cắp được ra kiểm tra. Sau đó, G và H đưa

số điện thoại gồm: 10 (mười) chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia 105; 10 (mười) chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia 210; 13 (mười ba) chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Itell; 03 (ba) chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Sta; 03 (ba) điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Sta, đến cửa hàng mua bán điện thoại di động do anh Dương Văn B, sinh 1969, trú tại khối 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An làm chủ và bán cho anh B được số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Khi mua, anh B không biết số tài sản trên là do trộm cắp mà có. Số tài sản đã qua sử dụng còn lại gồm: 01 (một) chiếc máy tính bảng iPad, màu vàng; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu trắng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6G, màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5, màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, màu đen; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Sam Sung, màu xanh. Trần Đình G cùng Trần Đình H đưa đến cửa hàng mua bán điện thoại di động do chị Uông Thị C, sinh 1977, trú tại khối 4, thị trấn D, huyện Du làm chủ bán được số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng). Khi mua, chị C không biết số tài sản trên là do trộm cắp mà có. Toàn bộ số tài sản nói trên, anh B và chị C đã bán lại cho những người khác nhưng không nhớ bán cho ai nên không thu hồi được. Số tiền có được từ việc trộm cắp và bán tài sản, G và H đã cùng nhau tiêu xài hết. Con dao G dùng để cạy mở cửa G đã làm mất, không rõ mất ở đâu, lúc nào.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 07/KL-HĐĐGTS ngày 05/4/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Yên Thành kết luận:

“Giá trị của các tài sản tại thời điểm ngày 06/3/2021: 10 (mười) chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia 105, chưa qua sử dụng, có giá trị: 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng); 10 (mười) chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia 210, chưa qua sử dụng, có giá trị 4.000.000đ (bốn triệu đồng); 13 (mười ba) chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Itell, chưa qua sử dụng, có giá trị 3.250.000đ (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); 03 (ba) chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Sta, chưa qua sử dụng, có giá trị 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng); 03 (ba) chiếc điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Sta, chưa qua sử dụng, có giá trị 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng); 40 (bốn mươi) sim điện thoại Vietnammobile, chưa qua sử dụng, có giá trị 2.000.000đ (hai triệu đồng); 01 (một) máy tính bảng iPad, màu vàng, đã qua sử dụng, có giá trị 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu trắng, đã qua sử dụng, có giá trị 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6G, màu đen, đã qua sử dụng, có giá trị 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5, màu đen, đã qua sử dụng, có giá trị 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, màu đen, đã qua sử dụng, có giá trị 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Sam Sung, màu xanh, đã qua sử dụng, có giá trị 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng)” (B1 196).

Tổng giá trị tài sản và tiền mà Trần Đình G đã trộm cắp của gia đình chị Phạm Thị Đ là 31.150.000đ (ba mươi một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà Trần Đình G đã trộm cắp được trong 06 lần nói trên là 107.530.000đ (một trăm linh bảy triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Trần Đình G thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 06 lần, tuy nhiên G không lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Công việc của G là lao động tự do, do vậy, G phạm tội không có tính chất chuyên nghiệp.

Đối với Phạm Xuân T, tuy không hứa hẹn trước nhưng T biết rõ chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave anpha, màu đỏ đen, biển kiểm soát 54X5 – 8315, trị giá 10.200.000đ (mười triệu hai trăm nghìn đồng), là tài sản do Trần Đình G trộm cắp của anh Phạm Văn T vào ngày 27/5/2020 nhưng vẫn đồng ý giúp Trần Đình G đưa chiếc xe này đi bán lấy số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), nên Phạm Xuân T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

* Vật chứng và xử lý vật chứng:

- Thu giữ của Trần Đình G : 01(một) đồng hồ đeo tay làm bằng kim loại màu vàng, trắng, nhãn hiệu SQUART, đồng hồ cũ đã qua sử dụng .

- Thu giữ của chị Vũ Thị N: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe Vision, màu xanh, số khung 58E0339750, số máy JF58E0339750, biển kiểm soát 37P1-356.47, xe cũ đã qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô, xe máy đều mang tên Phạm Thị T .

- Thu giữ của chị Bùi Thị L 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, máy cũ đã qua sử dụng .

- Thu giữ của anh Nguyễn Xuân T 01(một) Ipad, nhãn hiệu Samsung T331, màu trắng đã qua sử dụng .

Đối với 01 chiếc đồng hồ đeo tay; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Vision, biển kiểm soát 37P1 – 356.47; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô, xe máy, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Phạm Xuân T theo quy định .

Đối với chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Samsung T331, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thành đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Đặng Thị H theo quy định.

* Về phần dân sự:

- Những người bị hại yêu cầu Trần Đình G bồi thường số tiền cụ thể như sau: Chị Phạm Thị Đ yêu cầu Trần Đình G bồi thường cho chị tổng số tiền 31.150.000đ (ba mươi một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng); Chị Đặng Thị H yêu cầu Trần Đình G bồi thường cho chị số tiền 7.400.000 đồng (bảy triệu bốn trăm nghìn đồng); Anh Phạm Văn T yêu cầu Trần Đình G bồi thường số tiền 14.400.000đ (mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng); Anh Phạm Xuân T yêu cầu Trần Đình G bồi thường số tiền 4.880.000đ (bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng); Ông Nguyễn Bá D yêu cầu Trần Đình G bồi thường số tiền 10.800.000 đ (mười triệu tám trăm nghìn đồng); Ông Phạm Xuân T yêu cầu Trần Đình G bồi thường số tiền 9.500.000đ (chín triệu năm trăm nghìn đồng).

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan yêu cầu Trần Đình G bồi thường số tiền cụ thể như sau: Anh Nguyễn Xuân T yêu cầu Trần Đình G bồi thường số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng); Chị Võ Thị N yêu cầu Trần Đình G bồi thường số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số:129/CT-VKS-YT, ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An truy tố Trần Đình G về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015. Truy tố Phạm Xuân T về tội “Tiêu thu tài sản do người khác phạm tội mà có”, quy định tại 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS: Xử phạt bị cáo Trần Đình G từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng đến 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của BLHS: Xử phạt Phạm Xuân T từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác mà có”.

-Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, 586 và Điều 590 của Bộ luật dân sự.

Buộc: Bị cáo Trần Đình G phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị Đặng Thị H số tiền 7.400.000 đồng; chị Phạm Thị Đ 31.150.000 đồng; anh Phạm Xuân T 4.880.000 đồng; anh Phạm Văn T 14.400.000 đồng; anh Nguyễn Văn D 10.800.000 đồng và ông Phạm Xuân T 9.500.000 đồng; anh Nguyễn Xuân T 1.500.000 đồng và chị Võ Thị N 12.000.000 đồng

Truy thu Phạm Xuân T số tiền 300.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo, người bị hại không tranh luận đối đáp gì đối với bản luận tội của viện kiểm sát. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Những người bị hại nghị HĐXX xem xét giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, những người bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ

liên quan không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ buột tội: Trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2020 đến tháng 3 năm 2021, Trần Đình G đã 06 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Y, tỉnh Nghệ An, cụ thể: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 27/4/2020 Trần Đình G đã lén lút đột nhập vào nhà bà Phan Thị T ở khối 1 thị trấn Y, huyện Y, trộm cắp của chị Đặng Thị H (con gái bà T) 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7, 01 (một) Ipad nhãn hiệu Samsung T331 và số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). Tổng giá trị tài sản mà Trần Đình G đã trộm cắp của chị Đặng Thị H là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng); Khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 24/5/2020 Nguyễn Đình G đã đột nhập vào quán của anh Phạm Xuân T, ở xóm 2, xã M, huyện Y, trộm cắp của anh T nhiều thẻ cào điện thoại, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO J7, số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) và 04 (bốn) cây thuốc lá. Tổng giá trị tài sản và tiền mà Trần Đình G đã trộm cắp của anh Phạm Xuân T là 4.880.000đ (bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng); Khoảng 02 giờ ngày 27/5/2020, Nguyễn Đình G đột nhập nhà của anh Phạm Văn T ở xóm 9, xã M, huyện Y trộm của anh T 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave alpha, màu đỏ đen, biển kiểm soát 54X5 – 8315; 01 (một) máy tính xách tay, màu bạc, nhãn hiệu Dell. Tổng giá trị tài sản Trần Đình G đã trộm cắp của anh Phạm Văn T là: 14.400.000đ (mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng). Sau đó, Trần Đình G đã nhờ Phạm Xuân T đưa chiếc xe mô tô đi bán. Mặc dù biết đây là xe do trộm cắp mà có nhưng T vẫn đồng ý đưa xe đến bán cho anh cho anh Tạ Khắc T lấy 2.000.000đ (hai triệu đồng), G trả cho T 300.000 đồng tiền công; Khoảng 02 giờ ngày 15/6/2020 Trần Đình G đột nhập vào nhà của ông Nguyễn Bá D, ở xóm 6, xã L, huyện Y trộm cắp của ông D một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha, màu xanh, Biển kiểm soát 37K3-0619, có giá trị: 10.800.000đ (mười triệu tám trăm nghìn đồng); Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 27/02/2021, Nguyễn Đình G đã lén lút đột nhập vào nhà ở của ông Phạm Xuân T, tại xóm 2, xã C, huyện Y trộm cắp của ông T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus, màu trắng và 01 xạc pin của máy; số tiền 760.000đ (bảy trăm sáu mươi nghìn đồng); 01 xe mô tô biển kiểm soát 37P1 - 356.47; 01 (một) đồng hồ đeo tay; 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS màu bạc, máy đã qua sử dụng. Tổng giá trị mà Trần Đình G đã trộm cắp của ông Phạm Xuân T là 34.300.000đ (ba mươi tư triệu, ba trăm nghìn đồng); Khoảng 02 giờ ngày 06/3/2021 Trần Đình G tiếp tục đột nhập vào cửa hàng điện thoại di động “T Vĩ” của gia đình chị Phạm Thị Đ ở xóm 8, xã B, huyện Y trộm cắp nhiều chiếc điện thoại di động và Ipad. Tổng giá trị tài sản mà Trần Đình G đã trộm cắp của ông Phạm Xuân T là 31.150.000đ (ba mươi một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản trong 06 lần trộm cắp mà Trần Đình G phải chịu trách nhiệm hình sự là 107.530.000đ (một trăm linh bảy triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Phạm Xuân T tuy không hứa hẹn trước nhưng đã giúp G bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 54X5 – 8315 mà T biết rõ là tài sản do Trần Đình G trộm cắp

mà có, do vậy Phạm Xuân T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Trên cơ sở lời khai nhận của bị cáo Trần Đình G, Phạm Xuân T, lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá, vật chứng của vụ án đã thu giữ và các chứng cứ khác đã thu thập được. Cơ quan điều tra đã xác định Trần Đình G đã phạm tội Trộm cắp tài sản, Phạm Xuân T phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Nên Cơ quan điều tra, điều tra viên đã tiến hành các hoạt động tố tụng theo qui định của pháp luật tố tụng hình sự như ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, lấy lời khai, hỏi cung các bị can, lấy lời khai các bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và thu thập các chứng cứ liên quan để làm cơ sở để xử lý hình sự đối với Trần Đình G theo qui định tại Điều 173, xử lý Phạm Xuân T theo qui định tại Điều 323 của BLHS. Trên cơ sở điều tra và các chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An thấy rằng Trần Đình G chiếm đoạt số tiền của sau người bị hại tổng số tiền là 107.530.000 đồng, bị cáo phạm tội lần này là tái phạm nguy hiểm, nên đã truy tố Trần Đình G về tội Trộm cắp tài sản với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự theo qui định định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 của BLHS; Phạm Xuân T biết được tài sản do Trần Đình G trộm cắp mà có, đã giúp Trần Đình G bán tài sản trộm cắp nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo qui định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015, là đúng người, đúng tội đúng qui định của pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án, hành vi của bị cáo Trần Đình G và Phạm Xuân T: Vụ án thuộc loại nghiêm trọng, hành vi Trần Đình G lén lút đột nhập vào sáu gia đình bị hại trên địa bàn huyện Y để trộm cắp tài sản và hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có do Phạm Xuân T thực hiện là rất nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự liều lĩnh xem thường pháp luật, xâm phạm đến quyền về tài sản của của các bị hại, làm mất trật tự an ninh trên mọi địa bàn của huyện Y. Hành vi của các bị cáo còn gây lên sự hoang mang, gây lên sự bất bình cho người bị hại và quần chúng nhân.Các bị cáo có trình độ văn hóa, nhận biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do vậy cần xử lý nghiêm minh với hình phạt tương xứng để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Đối với Trần Đình G là đối tượng có nhân thân rất xấu, đã từng bị Tòa án áp dụng đưa vào trường giáo dưỡng vào năm 2011 với thời hạn 3 năm. Sau khi kết thúc việc giáo dưỡng một thời gian rất ngắn, thì bị cáo vẫn chứng nào tật đó, tiếp tục trộm cắp. Ngày 19/01/2014 bị TAND huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình xử phạt 08 (tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 01/2014/HSST; Ngày 19/9/2014 bị TAND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 111/2014/HSST; Ngày 21/4/2017 bị TAND huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xử 36 tháng tù tại Bản án số 16/2017/HSST. Bị cáo vừa chấp hành xong hình phạt tù của bản án số:16/2017/HSST ngày 12/01/2020 một thời gian rất ngắn thì bị cáo tiếp tục

thực hiện 6 hành vi trộm cắp nêu trên, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 107.530.000đ (một trăm linh bảy triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Xét tính chất vụ án, nhân thân bị cáo và những hành vi phạm tội do bị cáo Trần Đình G thực hiện cần xử lý bị cáo một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian là cần thiết.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS..

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện sáu hành vi trộm cắp, nhưng bị cáo không lấy việc trộm cắp để làm nguồn sống chính, nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội chuyên nghiệp qui định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của BLHS. Nhưng bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Sau khi trừ đi tình tiết tăng nặng thì bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào nữa, nhưng xét thấy cần áp dụng nguyên tắc nhân đạo của pháp luật xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, chỉ xử phạt bị cáo với mức án 05 năm tù là đủ nghiêm.

[5] Đối với Phạm Xuân T cũng là bị cáo có nhân thân xấu, ngày 09/7/2012 bị TAND TP Vinh, tỉnh Nghệ An xử 09 tháng tù giam theo bản án số 264/HSST/2012 về tội Trộm cắp tài sản đã được đương nhiên xóa án tích. Lẽ ra bị cáo phải lấy bài học trước đây để răn mình. Nhưng bị cáo không là được điều đó khi thấy và biết được Trần Đình G trộm cắp được tài sản của người khác nhờ đưa đi tiêu thụ thì bị cáo đồng ý ngay không một chút do dự. Hành vi của bị cáo là tiếp tay cho các đối tượng trộm cắp nói chung và Trần Đình G nói riêng, nên cũng cần xử lý nghiêm để giáo dục răn đe đối với bị cáo.

-Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã đến cơ quan công an đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo qui định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Lẽ ra cần xử phạt tù giam đối với bị cáo Phạm Xuân T. Tuy nhiên xét thấy kể từ ngày được xóa án tích cho đến lúc phạm tội mới, bị cáo luôn chấp hành tốt đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước từ trung ương đến địa phương. Sau khi phạm tội bị cáo đã nhận được sai phạm của mình, đã đến công an đầu thú. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo rất thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy cần áp dụng nguyên tắc nhân đạo của pháp luật không cần thiết phạt tù giam đối với bị cáo, mà áp dụng qui định tại khoản 1, khoản 2 Điều 65 của BLHS xử cho bị cáo được hưởng án treo như đại diện viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa cũng đủ nghiêm.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Tài sản chi Đặng Thị H bị Trần Đình G trộm cắp gồm 1 điện thoại Samsung galaxy J7 trị giá 2.400.000 đ; số tiền 5.000.000 đ và chiếc Ipad T331 màu trắng. Chi H đã được cơ quan điều tra lại chiếc Ipad T331. Chiếc điện thoại Sam

sung galaxy J7 và số tiền 5.000.000đ bị cáo chưa bồi thường chị H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.400.000 đ.

- Tài sản chị Phạm Thị Đ do Trần Đình G trộm cắp gồm 10 (mười) chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia 105, chưa qua sử dụng, có giá trị: 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng); 10 (mười) chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia 210, chưa qua sử dụng, có giá trị 4.000.000đ (bốn triệu đồng); 13 (mười ba) chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Itell, chưa qua sử dụng, có giá trị 3.250.000đ (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); 03 (ba) chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Sta, chưa qua sử dụng, có giá trị 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng); 03 (ba) chiếc điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Sta, chưa qua sử dụng, có giá trị 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng); 40 (bốn mươi) sim điện thoại Vietnamobile, chưa qua sử dụng, có giá trị 2.000.000đ (hai triệu đồng); 01 (một) máy tính bảng iPad, màu vàng, đã qua sử dụng, có giá trị 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu trắng, đã qua sử dụng, có giá trị 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6G, màu đen, đã qua sử dụng, có giá trị 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5, màu đen, đã qua sử dụng, có giá trị 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, màu đen, đã qua sử dụng, có giá trị 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Sam Sung, màu xanh, đã qua sử dụng, có giá trị 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng). Số tài sản trên chị Đào chưa được nhận lại, bị cáo chưa bồi thường, chị Đ yêu cầu Trần Đình G bồi thường số tiền 31.150.000 đồng

- Tài sản anh Phạm Xuân T do bị cáo Trần Đình G trộm cắp gồm 07 thẻ Viettel mệnh giá 100.000 đồng, 03 thẻ Viettel mệnh giá 50.000 đồng, 08 thẻ Vina mệnh giá 100.000 đồng, 04 thẻ Vina mệnh giá 50.000 đồng, 03 thẻ Vina mệnh giá 20.000 đồng, tổng giá trị của tất cả số thẻ là 1.990.000đ; 01 điện thoại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO J7 trị giá 1.900.000đ; 01 (một) cây thuốc lá Vinataba giá trị 120.000đ (một trăm hai mươi nghìn đồng); 03 (ba) cây thuốc lá Thăng Long giá trị 270.000đ (hai trăm bảy mươi nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản của anh T bị trộm cắp là 4.880.000 đ, anh Thành chưa được bị cáo bồi thường, anh T yêu cầu bị cáo bồi thường 4.880.000 đ.

- Tài sản của anh Nguyễn Bá D do Trần Đình G trộm cắp 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha, màu xanh, số khung 186019926, số máy 0397392, biển số 37K3 - 0619, xe cũ đã qua sử dụng có giá trị: 10.800.000đ (mười triệu tám trăm nghìn đồng). Xe của anh D chưa được nhận lại, bị cáo chưa bồi thường, anh D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 10.800.000đ (mười triệu tám trăm nghìn đồng).

- Tài sản anh Phạm Văn T do Trần Đình G trộm cắp gồm 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha, Biển kiểm soát 54X5-8315, xe cũ đã qua sử dụng trị giá 10.200.000đ (mười triệu hai trăm nghìn đồng); 01 (một) máy tính xách tay, màu bạc, nhãn hiệu Dell đã qua sử dụng trị giá 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản Trần Đình G đã trộm cắp của anh Phạm Văn T là: 14.400.000đ (mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng). Tài sản anh T chưa trả lại,

bị cáo chưa bồi thường, anh T yêu cầu bị cáo Trần Đình G bồi thường số tiền 14.400.000đ (mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng)

- Tài sản bị cáo Trần Đình G trộm cắp của anh Phạm Xuân T gồm 01 (một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe Vision, màu xanh, số khung 58E0339750, số máy JF58E0339750, biển kiểm soát 37P1 - 356.47, xe cũ đã qua sử dụng, có giá trị 15.600.000đ (mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, số Imei 355376072651578, máy cũ đã qua sử dụng, có giá trị 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng); 01 (một) đồng hồ đeo tay (đồng hồ nam) làm bằng kim loại màu vàng, trắng, nhãn hiệu QUARTZ, đã qua sử dụng, có giá trị 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng)” ; 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, màu bạc, đã qua sử dụng, có giá trị: 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng); 01 (một) sạc pin (chính hãng) của điện thoại di động Iphone 6, đã qua sử dụng có giá trị: 240.000đ (hai trăm bốn mươi nghìn đồng)” . Tổng giá trị tài sản và tiền mà Trần Đình G đã trộm cắp của gia đình ông Phạm Xuân T là 34.300.000đ (ba tư triệu ba trăm nghìn đồng). Ông T đã được nhận lại xe mô tô, đồng hồ, điện thoại. Chiếc máy vi tính nhãn hiệu ASUS, màu bạc, chưa được trả lại ông yêu cầu bị cáo bồi thường 9.500.000 đ.

Anh Nguyễn Xuân T đã mua 01 (một) Ipad nhãn hiệu Samsung T331 của Trần Đình G , khi mua anh T không biết được tài sản trên là do trộm cắp đem bán, nên anh Nguyễn Xuân T yêu cầu bị cáo Trần Đình G bồi thường số tiền 1.500.000 đ.

Chị Võ Thị N đã cho Trần Đình G cầm cố 01 chiếc xe mô tô, khi cầm cố xe có giấy tờ đầy đủ, chị N không biết được tài sản này là trộm cắp, xe đã bị thu hồi trả lại cho bị hại, chị N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 12.000.000 đ

Xét yêu cầu của các bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, hợp lý cần buộc bị cáo Trần Đình G phải có nghĩa vụ bồi thường cho họ.

[7] Vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe Vision, màu xanh, số khung 58E0339750, số máy JF58E0339750, biển kiểm soát 37P1-356.47; 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, máy cũ đã qua sử dụng; 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu QUAT và 01(một) máy tính bảng Ipad, nhãn hiệu Samsung T331, màu trắng đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã xác định được xe mô tô, đồng hồ, điện thoại là tài sản hợp pháp của ông Tấn, máy tính bảng là tài sản của chị Đặng Thị H, nên cơ quan đã trả lại cho ông T, chị H là đúng qui định.

[8] Án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Trần Đình G , Phạm Xuân T phải nộp án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Đình G 05 (năm) năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo (Ngày 29/3/2021).

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của BLHS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Xuân T 01 (một) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thử thách 02 (hai) năm về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn thử thách đối với bị cáo được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27/9/2021). Giao bị cáo Phạm Xuân T cho UBND xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo được thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, 586 và Điều 590 của Bộ luật dân sự.

Buộc: Bị cáo Trần Đình G phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị Đặng Thị H số tiền 7.400.000 đồng; chị Phạm Thị Đ 31.150.000 đồng; anh Phạm Xuân T 4.880.000 đồng; anh Phạm Văn T 14.400.000 đồng; ông Nguyễn Văn D 10.800.000 đồng; ông Phạm Xuân T 9.500.000 đồng; anh Nguyễn Xuân T 1.500.000 đồng và chị Võ Thị N 12.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền người thi hành án phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền phải thi hành án, theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Truy thu số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Phạm Xuân T để sung quỹ nhà nước.

4. Án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Trần Đình G, Phạm Xuân T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc: Bị cáo Trần Đình G phải nộp 4.561.000 đ (Bốn triệu năm trăm sáu mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, những người bị hại có mặt được quyền kháng cáo lên toà án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên toà án cấp phúc thẩm trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc kể từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

“ Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND H. Yên Thành;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS Yên Thành;
- THA hình sự;
- Bị cáo;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc